

**LÃI SUẤT CHO VAY CƠ BẢN (“BLR”) ÁP DỤNG ĐỐI VỚI
KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP**

Ngày hiệu lực: 16/09/2022

Trong trường hợp lãi suất của khoản vay theo Hợp Đồng Tín Dụng/Thỏa Thuận Chung Về Tiềm Ích liên quan là **BLR + Lãi Biên***, Quý Khách vui lòng tham khảo thông tin BLR được áp dụng cho các khoản vay tương ứng dưới đây.

| Thời hạn điều chỉnh lãi suất | USD BLR (%) | | VND BLR (%) | |
|------------------------------|-------------------------------------|----------|-------------------------------------|----------|
| | Áp dụng đ/v khoản vay Trung/Dài hạn | Ngắn hạn | Áp dụng đ/v khoản vay Trung/Dài hạn | Ngắn hạn |
| Qua đêm | 4.91 | 4.91 | 7.45 | 6.20 |
| 1 tuần | 5.42 | 5.42 | 7.03 | 5.78 |
| 2 tuần | 5.61 | 5.61 | 7.04 | 5.79 |
| 1 tháng | 5.70 | 5.70 | 7.05 | 5.80 |
| 2 tháng | 5.95 | 5.95 | 7.08 | 5.83 |
| 3 tháng | 6.13 | 6.13 | 7.11 | 5.86 |
| 4 tháng | 6.27 | 6.27 | 7.14 | 5.89 |
| 5 tháng | 6.42 | 6.42 | 7.17 | 5.92 |
| 6 tháng | 6.56 | 6.56 | 7.20 | 5.95 |
| 7 tháng | 6.62 | 6.62 | 7.21 | 5.96 |
| 8 tháng | 6.69 | 6.69 | 7.21 | 5.96 |
| 9 tháng | 6.75 | 6.75 | 7.22 | 5.97 |
| 10 tháng | 6.78 | 6.78 | 7.23 | 5.98 |
| 11 tháng | 6.81 | 6.81 | 7.24 | 5.99 |
| 12 tháng | 6.84 | 6.84 | 7.25 | 6.00 |

* Lãi Biên được xác định theo Hợp Đồng Tín Dụng/Thỏa Thuận Chung Về Tiềm Ích.

Lưu ý:

Giám Đốc Quan Hệ Khách Hàng của Ngân Hàng sẽ thông báo riêng với Quý Khách BLR của khoản vay trong trường hợp:

- (i) Các khoản vay trị giá trên 50 tỷ VNĐ hoặc 01 triệu USD; và/hoặc
- (ii) Thời hạn điều chỉnh lãi suất trên 1 năm; và/hoặc
- (iii) Các khoản vay bằng các loại ngoại tệ khác.